TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 03-6-2019
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững;
2. Ông Mai Văn Thanh;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 29 tháng 5 và ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 641/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Mỹ A, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp L2, xã LA, H. Chợ M, An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ A trình bày:*

Chị A có mua lúa (khô/tươi) của anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982. Chứng minh nhân dân số 341 350 559, cư ngụ ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp và có làm 02 hợp đồng như sau:

Ngày 10/8/2018 (âm lịch), chị A có hợp đồng mua bán lúa (khô/tươi) giống Đài thơm 8 với anh T với giá là 5.550 đồng/1kg. Số lượng là 390 công tầm cắt (Cắt lúa có ướt dơ thương lượng hai bên). Chị A đã đưa cọc trước là 110.000.000 đồng cho anh T. Hợp đồng cắt vào ngày 21/8/2018 đến ngày 26/8/2018, nhận lúa vào ngày 22/8/2018. Nhưng thực tế chị A nhận lúa vào ngày 24/8/2018 đến ngày 29/8/2018 là dứt điểm. Tất cả các chữ viết trong hợp đồng trên là của chị, trừ chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Hoàng T là của anh T.

Ngày 12/8/2018 (âm lịch), chị A có hợp đồng mua bán lúa (khô/tươi) giống Đài thơm 8 với anh T với giá là 5.550đ/1kg. Số lượng là 235 công tầm cắt (Cắt lúa có ướt dơ thương lượng hai bên). Chị A đã đưa cọc trước là 70.000.000 đồng cho anh T. Hợp đồng cắt vào ngày 21/8/2018 đến ngày 26/8/2018, nhận lúa vào ngày 22/8/2018. Nhưng thực tế chị A nhận lúa vào ngày 24/8/2018 đến ngày 25/8/2018 là dứt điểm. Tất cả các chữ viết trong hợp đồng trên là của chị, trừ chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Hoàng T là của anh T. Đồng thời, chữ viết phía sau của hợp đồng là do chị ghi sau để theo dõi việc trừ tiền cọc lại với anh T.

Đối với hai hợp đồng trên thì anh T giao chưa đủ số lượng lúa như thỏa thuận và giao lúa của chủ ruộng khác chứ không phải ruộng lúa như thỏa thuận ban đầu nhưng tại phiên tòa chị A không yêu cầu giải quyết vấn đề này cũng như không yêu cầu giải quyết thỏa thuận việc mua bán lúa của hai bên mà chỉ yêu cầu giải quyết số tiền đặt cọc và chị A đồng ý là xem như anh T đã giao đủ số lượng lúa như hai bên thỏa thuận.

Sau khi nhận lúa xong mà anh T không chịu trả tiền cọc cho chị A vì khi thỏa thuận đặt cọc của hai hợp đồng trên thì chị A giao cọc cho anh T trước khi nào giao dịch xong chị A nhận lại tiền cọc. Tiền cọc này là đặt riêng làm tin chứ không có trừ vào số tiền mua bán lúa. Đối với thỏa thuận này thì hai bên thỏa thuận miệng không có ghi vào hợp đồng, không có làm văn bản gì mà chỉ có ông Trần Văn N (tên thường gọi: D), sinh năm 1967, địa chỉ: ấp An L, xã An Thạnh T, huyện Chợ M, tỉnh An Giang chứng kiến và biết việc này.

Chị A có đòi nhiều lần nhưng anh T chỉ có trả 01 phần tiền cọc tổng cộng 77.000.000 đồng số còn lại thì anh T không đồng ý trả mà còn hăm dọa không cho chị A đến nhà đòi tiền. Tính đến nay tổng của 02 hợp đồng trên anh T còn thiếu chị A số tiền cọc là 103.000.000 đồng. Số tiền cọc tổng cộng 77.000.000 đồng mà chị trình bày trên thì không phải anh T trực tiếp trả lại mà do khi cân lúa các chủ ruộng đồng ý trừ tiền cọc cho chị, khi đó có mặt chị, chủ ruộng và anh T các bên đều thống nhất thỏa thuận trên. Trừ tiền cọc của các chủ ruộng như sau: Chị B 15.000.000 đồng; Anh P 9.000.000 đồng; Chị C 3.000.000 đồng; Anh C1 10.000.000 đồng; Anh N 15.000.000 đồng; Anh T 15.000.000 đồng và ông Bảy T

10.000.000 đồng. Đối với các chủ ruộng này sau khi cân lúa xong chị đã trả xong tiền lúa (sau khi trừ tiền cọc như trình bày trên) và nhận lúa xong. Đối với những người này chị A chỉ biết tên như vậy còn họ, tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể thì chị A không biết nên không cung cấp cho Tòa án được.

Nay chị Trương Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hoàng T trả lại cho chị Ánh số tiền cọc của hai hợp đồng mua bán lúa vào ngày 10/08/2018 và ngày 12/08/2018 tổng cộng là 103.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị A không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 328 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1/ Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện ghi ngày 16/10/2018;

2/ Hợp đồng mua lúa (khô/tươi) ngày 10/8/2018 AL (bản chính);

3/ Hợp đồng mua lúa (khô/tươi) ngày 12/8/2018 AL (bản chính);

4/ Biên bản lấy lời khai đương sự;

5/ USB có chứa 01 video ghi lại cảnh hai bên ký hợp đồng.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/3/2019.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trương Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hoàng T trả lại cho chị số tiền cọc của hai hợp đồng mua bán lúa vào ngày 10/08/2018 và ngày 12/08/2018 tổng cộng là 103.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị A thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp và hợp đồng đặt cọc được thực hiện tại địa chỉ trên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 08/5/2019 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Đào Văn Hiến và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Hiến bận đi công tác đột xuất nên thay thế bằng ông Mai Văn Thanh là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Ngoài ra, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hoàng T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A.

[4] Xét yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn là chị Trương Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hoàng A trả lại cho chị số tiền cọc của hai hợp đồng mua bán lúa vào ngày 10/08/2018 và ngày 12/08/2018 tổng cộng là 103.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A cho rằng vào ngày 10/8/2018 (âm lịch), chị A có hợp đồng mua bán lúa (khô/tươi) giống Đài thơm 8 với anh T với giá là 5.550 đồng/1kg. Số lượng là 390 công tầm cắt (Cắt lúa có ướt dơ thương lượng hai bên). Chị A đã đưa cọc trước là 110.000.000 đồng cho anh T và ngày 12/8/2018 (âm lịch), chị A có hợp đồng mua bán lúa (khô/tươi) giống Đài thơm 8 với anh T với giá là 5.550 đồng/1kg. Số lượng là 235 công tầm cắt (Cắt lúa có ướt dơ thương lượng hai bên). Chị A đã đưa cọc trước là 70.000.000 đồng cho anh T. Đồng thời, tiền đặt cọc này là đặt riêng làm tin chứ không có trừ vào số tiền mua bán lúa. Căn cứ vào hợp đồng mua lúa (khô/tươi) ngày 10/8/2018 và ngày 12/08/2018 (âm lịch) do chị A cung cấp cho Tòa án thì có nội dung là vào ngày

10/8/2018 và ngày 12/08/2018 (âm lịch) chị A có đưa trước tiền cọc cho anh T lần lượt là 110.000.000 đồng và 70.000.000 đồng để đặt cọc cho 02 hợp đồng mua lúa trên. Căn cứ vào video mà chị A cung cấp có nội dung quay lại cảnh hai bên thỏa thuận việc mua bán và đặt cọc như trình này phần trên, đồng thời lời khai của chị A cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn N (tên thường gọi: D), sinh năm 1967, địa chỉ ấp An L, xã An Thạnh T, huyện Chợ M, tỉnh An Giang và ông N cũng là người trực tiếp chứng kiến việc hai bên thỏa thuận mua bán và đặt cọc như trên (Trong đoạn video trên có mặt ông N). Chị A cho rằng trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng trên thì do phía anh T không giao đúng lúa của chủ ruộng và giao trễ thời gian như hai bên thỏa thuận nhưng nên khi cân lúa của các chủ ruộng đó thì có mặt anh T và giữa chị A, anh T và các chủ ruộng có thỏa thuận trừ đi một phần số tiền cọc mà anh T đã nhận tổng cộng 77.000.000 đồng, còn lại 103.000.000 đồng đến nay anh T vẫn chưa trả lại cho chị A. Nay chị A đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền cọc mà chị A đã giao cho anh T, sau khi khấu trừ còn lại số tiền 103.000.000 đồng và chị A chỉ yêu cầu anh T trả lại số tiền còn lại này, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của chị A không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội và theo hướng có lợi cho anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của chị A. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của chị A là có cơ sở và yêu cầu của chị A là yêu cầu anh T trả lại số tiền cọc còn lại là 103.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A. Buộc anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Trương Thị Mỹ A số tiền đặt cọc còn lại là 103.000.000 đồng.

[11] Xét thấy: Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào

nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung. Về nội dung vụ án, đại diện vị Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí:

- Anh T phải chịu 5.150.000 đồng (Năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị A không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Mỹ A. Buộc anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Trương Thị Mỹ A số tiền đặt cọc còn lại là 103.000.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Trương Thị Mỹ A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.575.000 đồng (Hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0004026 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Hoàng T phải chịu 5.150.000 đồng (Năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4 . Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phường